

Bản án số: 321/2026/DS-PT

Ngày 17 - 4 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phụng

*Các Thẩm phán:*

Ông Ninh Quang Thế

Ông Đặng Minh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 08 đến ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 763/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2).

Địa chỉ trụ sở: Số G, đường L, phường C, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật:* Ông Phạm Văn Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 - Chi nhánh B;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông N:* Bà Dương Kim T, chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh - Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 - Chi nhánh B (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Dương Thanh Đ1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095082004928, cấp ngày 02/7/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

2. Bà Ong Thị Kim L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095184004348, cấp ngày 12/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thái Hoàng P, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Căn cước số: 086084011978, cấp ngày 11/9/2024, tại Bộ C2.

2. Bà Lâm Ngọc E, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095180008884, cấp ngày 10/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Quách Thanh S sinh năm 1952 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095052002073, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

4. Bà Trần Ngọc L1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095156003540, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G, đường N, phường A, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tô Hoài P1, chức vụ: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông P1:* Ông Trần Anh Q, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Hòa Bình, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Kim T trình bày:*

Ngày 28/06/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng vay số N.0007/1222 với khách hàng là ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận như sau: Số tiền vay

(vốn vay) 370.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 28/06/2022 đến 28/06/2027); mục đích vay đầu tư cải tạo đất sản xuất nông nghiệp, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi và mua máy gặt liên hợp. Để đảm bảo khoản vay, ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số K.0059/TC22 ngày 28/06/2022, tại Ủy ban nhân dân xã L đã được chứng thực, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Tài sản thế chấp là bất động sản có tổng diện tích 10.896,7m<sup>2</sup>, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 548684 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15648) thửa số 808, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.068,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/11/2021.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 548683 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15647) thửa số 809, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.520,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/11/2021.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 548685 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15649) thửa số 2379, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.262,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/11/2021.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 666821 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15492) thửa số 873, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.262,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/6/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay từ ngày 28/06/2022 đến ngày 25/7/2024, ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L trả được tổng số tiền vốn là 55.500.000 đồng, lãi trong hạn 60.799.870 đồng. Sau đó ông Đ1 và bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/09/2025 ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L còn nợ tổng số tiền là 385.767.664 đồng, trong đó vốn là 314.500.000 đồng, lãi trong hạn 53.414.822 đồng, lãi quá hạn 14.111.446 đồng; phí chậm thanh toán 3.741.396 đồng. Mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L thanh toán nhưng đến nay ông Đ1 và bà L vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cố tình không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, ông Đ1 và bà Kim L đã vi phạm hợp đồng vay và không có thiện chí trả nợ, Ngân hàng kính đề nghị Tòa án buộc ông Đ1 và bà L thanh toán số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 385.767.664 đồng, trong đó vốn là 314.500.000 đồng, lãi trong hạn 53.414.822 đồng, lãi quá hạn 14.111.446 đồng; phí chậm thanh toán 3.741.396 đồng, tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi hợp đồng vay vốn của ông Đ1 và bà L được thanh lý. Trường hợp ông Đ1, bà Kim L không thực hiện thanh toán toàn bộ phần nợ nêu trên và tiền lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ1 và bà Kim L

tại Ngân hàng thì ông Đ1 và bà Kim L vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi dứt nợ Ngân hàng.

*Tại biên bản lấy lời khai 09/12/2024, bị đơn bà Ong Thị Kim L trình bày:* Năm 2022 bà Kim L và ông Đ1 có vay số tiền 370.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2), mục đích vay phục vụ sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11,5%/năm. Để đảm bảo khoản vay, bà Kim L và ông Đ1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng, tổng diện tích thế chấp 08 công đất ruộng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ1 đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận năm 2021. Quá trình vay có thanh toán một phần gốc, lãi nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã thanh toán. Bà Kim L thừa nhận đến ngày 25/7/2024 còn nợ số tiền 335.170.814 đồng và đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu Ngân hàng, kể cả lãi phát sinh theo hợp đồng. Trường hợp bà Kim L và ông Đ1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì bà L đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Ngoài ra, số đất mà bà Kim L và ông Đ1 thế chấp cho Ngân hàng, bà Kim L và ông Đ1 có cầm cố cho ông P, bà E với số tiền 302.000.000 đồng, thời hạn cố 05 năm, đã giao đất cho ông P, bà E quản lý sử dụng, có lập giấy tay cố đất ngày 06/7/2022 và đã nhận đủ tiền từ vợ chồng ông P và bà E. Nay ông P, bà E yêu cầu hủy giao dịch cầm cố, bà Kim L đồng ý cùng ông Đ1 trả tiền theo yêu cầu của ông P, bà E.

*Đối với bị đơn ông Dương Thanh Đ1 không tham gia và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hoàng P và bà Lâm Ngọc E trình bày:*

Vào ngày 06/7/2022, ông Đ1 và bà Kim L có cố cho vợ chồng ông P, bà E 08 công đất trồng lúa, giá 302.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 05 năm, cầm cố có làm giấy tay, vợ chồng ông P đã giao đủ tiền cho ông Đ1, bà Kim L và hiện phần đất 08 công này ông P, bà E đang canh tác, qua đo đạc thực tế có diện tích 7.851,3m<sup>2</sup>. Trong quá trình thụ lý vợ chồng ông P, bà E yêu cầu độc lập đối với ông Đ1 và bà Kim L về việc hủy giao dịch cầm cố, ông P, bà E trả đất cho ông Đ1, bà Kim L và yêu cầu ông Đ1 và bà Kim L trả 302.000.000 đồng cho ông P và bà E. Ngày 11/12/2024 ông P và bà E đã có đơn rút yêu cầu độc lập đối với ông Đ1, bà Kim L, đồng thời đồng ý giao trả đất cho ông Đ1, bà Kim L để Ngân hàng phát mãi theo quy định.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Thanh S và bà Trần Ngọc L1 trình bày:*

Trong các phần đất mà ông Đ1 và bà Kim Lợi thế C cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng S2), vợ chồng ông S, bà Ngọc L1 đang canh tác 01 phần cụ thể diện tích đo đạc thực tế là 1.967m<sup>2</sup>. Nguồn gốc phần đất này của cha mẹ ông S cho vợ chồng ông S, bà Ngọc L1 và vợ chồng ông S, bà Ngọc L1 canh tác hơn 40 năm nay, do cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp nhầm cho ông Đ1, bà Kim L còn phần đất của vợ chồng ông S, bà Ngọc L1 thì hiện do ông Đ1 canh tác và ông S đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông S, bà Ngọc L1 khẳng định không đặt ra tranh chấp trong vụ án này, không yêu cầu hủy giấy của ông Đ1 và bà Kim L, tự nguyện

giao phần đất mà vợ chồng ông S đang canh tác cho ông Đ1 và bà Kim L để Ngân hàng phát mãi; phần đất này ông S, bà Ngọc L1 với ông Đ1, bà Kim L sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C không có ý kiến.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 385.767.664 đồng, trong đó vốn gốc là 314.500.000 đồng, tiền lãi 71.267.664 đồng.

Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025, ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc số tiền 314.500.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) thì lãi suất mà ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C) cấp cho ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L vào năm 2021, đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo, diện tích như sau:

Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 3.068,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 808, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 809 do ông P, bà E sử dụng có số đo 84,49m;

Hướng Tây giáp thửa 809 có số đo 85,10m;

Hướng Nam giáp thửa 862 có số đo 36,44m;

Hướng Bắc giáp thửa 767 có số đo 36,36m.

Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 2.520,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 809, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 2379 do ông P, bà E sử dụng có số đo 83,26m;

Hướng Tây giáp thửa 808 có số đo 84,49m;

Hướng Nam giáp thửa 863 có số đo 29,62m;

Hướng Bắc giáp thửa 767 có số đo 26,86m; 4,14m.

Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 2.262,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2379, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 810 có số đo 84,01m;

Hướng Tây giáp thửa 809 có số đo 83,26m;

Hướng Nam giáp thửa 864 có số đo 24,97m;

Hướng Bắc giáp thửa 766 có số đo 26,72m.

Toàn bộ thửa đất 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4 nêu trên hiện do ông P và bà E đang canh tác lúa khoảng 30 ngày tuổi tại thời điểm thẩm định ngày 05/11/2024.

Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1.072,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 873, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) hiện do ông P, bà E quản lý, sử dụng có vị trí, số đo:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Kim T1 đang sử dụng có số đo 14,19m; 15,24m;

Hướng Tây giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 29,19m;

Hướng Nam giáp đất ông Mã Văn S1 đang sử dụng có số đo 1,07m; 14,16m; 15,76m; 6,97m.

Hướng Bắc giáp đất ông Dương Thanh Đ1 đang sử dụng có số đo 36,78m.

Buộc ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E có trách nhiệm trả lại cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 phần Quyết của Bản án này.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với một phần thửa đất số 873, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 1.967m<sup>2</sup> tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông P và bà E đang sử dụng (do nhận cổ của ông Đ1) có số đo 29,19m;

Hướng Tây giáp đất ông Quách Văn C1 đang sử dụng có số đo 27,37m;

Hướng Nam giáp đất bà Lê Thị H, bà Quách Thị Ngọc E1 đang sử dụng có số đo 21,16m; 15,45m; 20,31m; 11,17m;

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 53,42m; 14,38m.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 trả lại cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 5 phần Quyết của Bản án này.

Buộc ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 giao lại cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 5 phần Quyết của Bản án này.

Dành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 phần Quyết của Bản án này cho ông Thái Thanh P2, bà Lâm Ngọc E.

*(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời Bản án)*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu rút yêu cầu độc lập của ông Thái Thanh P2, bà Lâm Ngọc E đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng cầm cố Quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2022 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.851,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như ở mục 3.1; 3.2; 3.3 phần Quyết của Bản án này.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc của ông Thái Thanh P2, bà Lâm Ngọc E đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng cầm cố Quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2022 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.851,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như ở mục 3.1; 3.2; 3.3 phần Quyết của Bản án này.

Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định 17.819.199 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 2.515.793 đồng; ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 15.303.406 đồng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) đã nộp tạm ứng số tiền chi phí tố tụng là 17.819.199 đồng đã chi phí hết. Như vậy, ông Đ1 và bà Kim L có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) số tiền chi phí xem xét thẩm định là 15.303.406 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/10/2025, Ngân hàng kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0059/TC22 ký ngày 28/6/2022 và buộc ông Đ1 và bà Kim L phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bà T tranh luận: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2, sửa một phần bản án sơ thẩm về hợp đồng thế chấp và chi phí tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo được Ngân hàng thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Thanh Đ1 đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, bà Ong Thị Kim L, ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2025 thì phần đất thế chấp tại thửa 873, tờ bản đồ số 4, có diện tích đo đạc thực tế 3.039,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau), được chia ra làm hai phần như sau:

+ Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1.072,9m<sup>2</sup>, hiện do ông Thái Thanh P2, bà Lâm Ngọc E quản lý, sử dụng có vị trí, số đo:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Kim T1 đang sử dụng có số đo 14,19m; 15,24m;  
Hướng Tây giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 29,19m;  
Hướng Nam giáp đất ông Mã Văn S1 đang sử dụng có số đo 14,16m; 15,76m; 6,97m.  
Hướng Bắc giáp đất ông Dương Thanh Đ1 đang sử dụng có số đo 36,78m.

Hiện trạng phần đất này ông Đ1 đã cho ông P2, bà E tại thời điểm thẩm định ngày 12/5/2025 ông P2, bà E đã thu hoạch xong, đất để trống.

+ Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1.967m<sup>2</sup>, hiện do ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 đang sử dụng có vị trí, số đo:

Hướng Đông giáp đất ông P2 và bà E đang sử dụng (do nhận cổ của ông Đ1) có số đo 29,19m;

Hướng Tây giáp đất ông Quách Văn C1 đang sử dụng có số đo 27,37m;

Hướng Nam giáp đất bà Lê Thị H, bà Quách Thị Ngọc E1, ông Mã Văn S1 đang sử dụng có số đo 21,16m; 15,45m; 20,31m; 11,17m; 1,07m;

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 53,42m; 14,38m.

Hiện trạng phần đất này tại thời điểm thẩm định ngày 12/5/2025, ông S, bà Ngọc L1 đã thu hoạch xong, đất đang để trống.

[3.2] Theo biên bản ngày 23/7/2025 (bút lục 302, 303, 304) ông S và bà Ngọc L1 thống nhất giao phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.967m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 873, tờ bản đồ số 4 là do ông S được cha mẹ cho sử dụng, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L là do cấp nhầm, ông S, bà Ngọc L1 tự nguyện giao phần đất mà ông S và bà Ngọc L1 đang canh tác cho ông Đ1 và bà Kim L để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi theo quy định pháp luật. Ngoài lời trình bày của ông S và bà Ngọc L1 thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh diện tích đất trên là của ông S và bà Ngọc L1. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của ông S, bà Ngọc L1 là đất của ông S và bà Ngọc L1 mà không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với một phần thửa đất số 873, tờ bản đồ số 4, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.967m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là không có căn cứ.

[3.3] Mặt khác, diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng do ông Đ1 và bà Kim L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có lập hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp đúng quy định của pháp luật; bản thân ông S, bà Ngọc L1 cũng đồng ý giao diện tích đất ông S, bà Ngọc L1 đang quản lý sử dụng cho ông Đ1, bà Kim L để Ngân hàng phát mãi.

[4] Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 về công nhận toàn bộ hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L lập ngày 28/6/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, trong đó có diện tích 1.967m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 873, tờ bản đồ số 4. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng về hợp đồng thế chấp nên Ngân hàng không phải chịu chi phí tố tụng; bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá với tổng số tiền là 17.819.199 đồng, do Ngân hàng đã nộp thanh toán xong nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng.

[5] Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án số 56/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau còn có một số sai sót như về vị trí, số đo của các cạnh tiếp giáp, số thửa đất của các cạnh tiếp giáp, tên đệm của đương sự Thái Hoàng P, số biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh lại cho đúng để đảm bảo việc thi hành bản án. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc kiểm tra cẩn thận bản án trước khi phát hành.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí, đã dự nộp được hoàn lại.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (cũ) số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 385.767.664 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng) (trong đó vốn gốc là 314.500.000 đồng, tiền lãi 71.267.664 đồng).

2. Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025, ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc số tiền 314.500.000 đồng cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 thì lãi suất mà ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2) về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C) cấp cho ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L vào năm 2021, đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo, diện tích như sau:

3.1 Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 3.068,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 808, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 809 do ông P, bà E1 sử dụng có số đo 84,49m;

Hướng Tây giáp thửa 820 có số đo 85,10m;

Hướng Nam giáp thửa 862 có số đo 36,44m;

Hướng Bắc giáp thửa 767 có số đo 36,36m.

3.2. Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 2.520,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 809, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 2379 do ông P, bà E1 sử dụng có số đo 83,26m;

Hướng Tây giáp thửa 808 có số đo 84,49m;

Hướng Nam giáp thửa 863 có số đo 29,62m;

Hướng Bắc giáp thửa 767 có số đo 26,86m; 4,14m.

3.3. Phần đất thế chấp có diện tích đo đạc thực tế 2.262,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2379, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 810 có số đo 84,01m;

Hướng Tây giáp thửa 809 có số đo 83,26m;

Hướng Nam giáp thửa 864, 863 có số đo 24,97m; 2,73m;

Hướng Bắc giáp thửa 766 có số đo 26,72m.

Toàn bộ thửa đất 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4 nêu trên hiện do ông P và bà E1 đang canh tác lúa khoảng 30 ngày tuổi tại thời điểm thẩm định ngày 05/11/2024.

3.4. Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1.072,9m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 873, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) hiện do ông P, bà E1 quản lý, sử dụng có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Kim T1 đang sử dụng có số đo 14,19m; 15,24m;

Hướng Tây giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 29,19m;

Hướng Nam giáp đất ông Mã Văn S1 đang sử dụng có số đo 14,16m; 15,76m; 6,97m.

Hướng Bắc giáp đất ông Dương Thanh Đ1 đang sử dụng có số đo 36,78m.

3.5. Phần đất có diện tích đo đạc thực tế 1.967m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 873, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) hiện do ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 đang sử dụng có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông P và bà E1 đang sử dụng (do nhận cố của ông Đ1) có số đo 29,19m;

Hướng Tây giáp đất ông Quách Văn C1 đang sử dụng có số đo 27,37m;

Hướng Nam giáp đất bà Lê Thị H, bà Quách Thị Ngọc E1, ông Mã Văn S1 đang sử dụng có số đo 21,16m; 15,45m; 20,31m; 11,17m; 1,07m;

Hướng Bắc giáp đất ông Quách Thanh S đang sử dụng có số đo 53,42m; 14,38m.

4. Buộc ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E có trách nhiệm trả lại cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 phần Quyết định của Bản án này.

5. Buộc ông Quách Thanh S, bà Trần Ngọc L1 giao lại cho ông Dương Thanh Đ1, bà Ong Thị Kim L phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 3.5 phần Quyết định của Bản án này.

Dành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất có vị trí, số đo, diện tích như ở mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 phần Quyết định của Bản án này cho ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E.

(Kèm theo 02 bản đo vẽ ngày 08/11/2024 và tháng 5/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B)

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu rút yêu cầu độc lập của ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2022 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.851,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như ở mục 3.1; 3.2; 3.3 phần Quyết định của Bản án này.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E đối với ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2022 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.851,3m<sup>2</sup>, thuộc các thửa 808, 809, 2379, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau) có vị trí, số đo như ở mục 3.1; 3.2; 3.3 phần Quyết định của Bản án này.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá số tiền 17.819.199 đồng ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L phải chịu toàn bộ. Do Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 đã nộp xong, buộc ông Đ1 và bà Kim L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 số tiền 17.819.199 đồng (Mười bảy triệu tám trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Ông Dương Thanh Đ1 và bà Ong Thị Kim L phải chịu án phí 19.288.383 đồng (Mười chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), ông Đ1 và bà Kim L chưa nộp.

8.2. Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 không phải chịu án phí; ngày 09/10/2024 Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ2 (cũ) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.379.270 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004293 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau), được nhận lại.

8.3. Ông Thái Hoàng P, bà Lâm Ngọc E không phải chịu án phí. ngày 28/11/2024 ông P, bà Ngọc E có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004464 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) được nhận lại.

9. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S2 không phải chịu; ngày 23/10/2025 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003059 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

11. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tiêu Hồng Phụng**

